

Bản án số: **16/2021/HS-ST**
Ngày 26/01/2021

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BÌNH SƠN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Quang Toại.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Thanh Thương và bà Bùi Thị Hảo.

- Thư ký phiên tòa: Bà Võ Thị Tương – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Bình Sơn, tỉnh Quảng Ngãi.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bình Sơn, tỉnh Quảng Ngãi tham gia phiên tòa: Bà Huỳnh Thị Triều - Kiểm sát viên.

Trong ngày 26 tháng 01 năm 2021 tại Tòa án nhân dân huyện Bình Sơn, tỉnh Quảng Ngãi xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 23/2021/TLST-HS ngày 06 tháng 01 năm 2021 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 07/2021/QĐXXST-HS ngày 12 tháng 01 năm 2021 đối với các bị cáo:

1/ Lê Tấn V, sinh ngày 19 tháng 11 năm 1996 tại tỉnh Quảng Ngãi; nơi cư trú: thôn V, xã B, huyện S, tỉnh Quảng Ngãi; Nghề nghiệp: Không có nghề nghiệp ổn định; Trình độ học vấn: 12/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; con ông: Lê Tấn T và con bà Lê Thị H; vợ, con: chưa có; Tiền án, tiền sự: Không. Bị cáo bị bắt tạm giam từ ngày 17/7/2020 đến nay.

2/ Trương Thanh T, sinh ngày 15 tháng 7 năm 1997 tại tỉnh Quảng Ngãi; nơi cư trú: thôn T, xã B, huyện S, tỉnh Quảng Ngãi; Nghề nghiệp: Công nhân; Trình độ học vấn: 9/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; con ông: Không xác định được, con bà Trương Thị B; vợ, con: chưa có; Tiền án, tiền sự: Không. Bị cáo bị áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú có mặt tại phiên tòa.

Người bào chữa: Ông Trần S là Luật sư của Công ty Luật TNHH Luật Việt Tín Trung Thành phố Hồ Chí Minh, Chi nhánh Quảng Ngãi; thuộc Đoàn luật sư tỉnh Quảng Ngãi là người bào chữa cho bị cáo **LÊ TẤN V**, sinh năm 1996; nơi cư trú: thôn V, xã B, huyện S, tỉnh Quảng Ngãi; Có mặt.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

+ Bru điện huyện S;

Địa chỉ: Khu vực X, thị trấn C, huyện S, tỉnh Quảng Ngãi.

Người đại diện theo pháp luật: Bà Nguyễn Thị Thanh N – Phụ trách Bưu điện S, có đơn đề nghị xét xử vắng mặt ngày 21/01/2021.
+ Vợ chồng ông Lê Tấn T, sinh năm 1964 và bà Lê Thị H, sinh năm 1964, đều có mặt.

Cùng trú tại: thôn V, xã B, huyện S, tỉnh Quảng Ngãi.

Người làm chứng:

+ Bà Hà Thị Thu T, sinh năm 1979; vắng mặt.

Nơi cư trú: thôn T, xã B, huyện S, tỉnh Quảng Ngãi.

+ Anh Lê Hoài S, sinh năm 1993; có mặt.

Nơi cư trú: thôn N, xã B, huyện S, tỉnh Quảng Ngãi.

+ Bà Lê Thị H, sinh năm 1964; có mặt.

+ Bà Phạm Thị Thu C, sinh năm 1976; vắng mặt.

Cùng cư trú: thôn V, xã B, huyện S, tỉnh Quảng Ngãi.

+ Bà Đào Thị Lệ H– Chủ cây Xăng S, xã B, huyện S, tỉnh Quảng Ngãi; có mặt.

+ Anh Nguyễn Văn H, sinh năm 1988; vắng mặt.

+ Chị Tăng Thị H, sinh năm 1992; vắng mặt.

+ Bà Đoàn Thị Hồng T, sinh năm 1978; vắng mặt.

+ Bà Nguyễn Thị M(tên gọi khác: B), sinh năm 1952; có mặt.

Cùng cư trú: thôn T, xã B, huyện S, tỉnh Quảng Ngãi.

+ Bà Bùi Thị T, sinh năm 1979; vắng mặt.

Nơi cư trú: thôn T, xã B, huyện S, tỉnh Quảng Ngãi.

+ Ông Nguyễn Văn Q, sinh năm 1977; vắng mặt.

Địa chỉ nơi làm việc: Cây Xăng dầu S, xã B, huyện S, tỉnh Quảng Ngãi.

+ Vợ chồng ông Huỳnh D, sinh năm 1970 cùng bà Nguyễn Thị L, sinh năm 1971; đều vắng mặt.

Cùng cư trú: thôn Đ, xã B, huyện S, tỉnh Quảng Ngãi.

+ Bà Đặng Thị L, sinh năm 1976; có mặt.

Nơi cư trú: thôn B, xã B1, huyện S, tỉnh Quảng Ngãi.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Qua các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và quá trình xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vào đầu năm 2020, trong quá trình sử dụng tài khoản Facebook “T”, Lê Tấn V thấy nhóm Facebook mang tên “Tham gia là có tiền” có thông tin về việc mua bán tiền giả, nên V đã tham gia vào nhóm trên với mục đích nếu có ai bán tiền giả thì sẽ mua để tiêu xài cá nhân. Bị cáo V thấy tài khoản Facebook “Song Long Tài Chính” có rao bán tiền giả nên vào khoảng cuối tháng 3 đầu tháng 4/2020, V dùng

Facebook “T” nhắn tin cho tài khoản Facebook “Song Long Tài Chính” với nội dung hỏi thăm giá cả, tỉ lệ mua bán tiền giả và cách thức giao nhận tiền giả để V mua về tiêu thụ. Quá trình liên hệ, trao đổi giữa V với tài khoản Facebook “Song Long Tài Chính” thống nhất giá cả mua bán tiền giả với tỉ lệ 1:6 (1.000.000đồng tiền thật sẽ mua được 6.000.000đồng tiền giả), tiền giả đều có mệnh giá 500.000đồng (năm trăm nghìn đồng), phương thức gửi hàng và nhận tiền theo hình thức giao, nhận hàng xong mới trả tiền (ship COD) của bưu điện. Thống nhất xong, V gửi tên của mình (Lê Tấn V), số điện thoại 0868058038 và địa chỉ nhà tại thôn V, xã B, huyện S, tỉnh Quảng Ngãi cho tài khoản Facebook “Song Long Tài Chính” để người này gửi tiền giả cho V. Vào đầu tháng 4/2020, V đã 02 lần mua 12.000.000đồng tiền giả, với số lượng 24 tờ tiền giả có mệnh giá 500.000đồng từ tài khoản Facebook “Song Long Tài Chính” cụ thể như sau:

- Lần thứ nhất: Vào ngày 10/4/2020, thông qua nhân viên bưu điện, V đã nhận được 6.000.000đồng tiền giả đều có mệnh giá 500.000 đồng được đựng trong hộp catton (trong hộp catton có 02 ngăn, ngăn nhỏ chứa tiền giả, ngăn lớn chứa mực xăm để nguy trang tránh sự phát hiện của cơ quan chức năng). Sau khi nhận được hàng, V trả cho nhân viên bưu điện 1.047.000 đồng, trong đó: 1.000.000đồng là tiền để mua tiền giả, 47.000đồng là tiền phí vận chuyển.

- Lần thứ hai: Vào ngày 12/4/2020, V tiếp tục dùng Facebook “T” liên lạc với tài khoản Facebook “Song Long Tài Chính” để mua 6.000.000đồng tiền giả với giá 1.000.000đồng. Lần này cũng giống như lần thứ nhất, ngày 15/4/2020, thông qua nhân viên bưu điện, V đã nhận được 6.000.000đồng tiền giả đều có mệnh giá 500.000đồng được đựng trong hộp catton (trong hộp catton có 02 ngăn, ngăn nhỏ chứa tiền giả, ngăn lớn chứa mực xăm để nguy trang tránh sự phát hiện của cơ quan chức năng). Sau khi nhận được hàng, V trả cho nhân viên bưu điện 1.046.000đồng, trong đó: 1.000.000đồng là tiền để mua tiền giả, 46.000đồng là tiền phí vận chuyển. Với số tiền giả mua được từ tài khoản facebook “Song Long Tài Chính”, Lê Tấn V đã sử dụng như sau:

- Ngày 20/4/2020, V bán cho Trương Thanh T, sinh năm 1997, nơi ĐKHKTT: thôn T, xã B, huyện S 2.000.000đồng tiền giả với giá 400.000đồng.

- Mua nước ngọt tại quán tạp hóa của bà C ở thôn V, xã B, huyện S khoảng 03 lần.

- Đổ xăng tại cây xăng S thuộc thôn T, xã B, huyện S khoảng 02 lần.

- Mua nửa con vịt tại quán cháo vịt của bà B ở thôn T, xã B, huyện S 01 lần.

- Đổi tiền lẻ với Bà Lê Thị H (mẹ ruột của Lê Tấn V) khoảng 04 lần. Tất cả những lần này bà H đều không biết đó là tiền giả.

- Ngoài ra còn mua hàng hóa tại một số tiệm tạp hóa khác tại xã B và xã B1, huyện S nhưng V không nhớ rõ địa chỉ cụ thể.

Cơ quan điều tra đã tiến hành xác minh, làm việc với những người trên nhưng không thu giữ được tờ tiền giả nào.

Trong quá trình điều tra, Cơ quan An ninh điều tra đã thu giữ: 01 tờ tiền giả với mệnh giá 500.000đồng có số seri: TF 17534151 thu được từ Bưu điện huyện S và 01 tờ tiền giả mệnh giá 500.000đồng có số seri TF17534151 do LÊ TẤN V đã giao nộp.

Theo kết luận giám định của Phòng Kỹ thuật hình sự - Công an tỉnh Quảng Ngãi: 02 tờ tiền Ngân hàng Nhà nước Việt Nam mệnh giá 500.000đồng có số seri: TF17534151 trên là giả.

Sau khi mua bán và lưu hành tiền giả, số tiền V thu lợi được là 7.807.000đồng.

Đối với bị cáo Trương Thanh T, khai nhận như sau: Vào ngày 20/4/2020, T nhắn tin trên messenger cho Lê Tấn V hỏi “*Có mua tiền giả hay không và mua được chưa*”, V trả lời “*Có mua rồi nhưng chỉ mua được một ít khoảng 6.000.000đồng*”. Lúc này vì đang cần tiền để tiêu xài nên T có nói với V là bán cho T một ít tiền giả để tiêu xài cá nhân. V đồng ý bán 2.000.000đồng tiền giả cho T với giá là 500.000đồng. Khoảng hơn 18 giờ cùng ngày 20/4/2020 T liên lạc với V và thống nhất địa điểm giao tiền giả tại “Ngã ba ra cửa” thuộc xã B, huyện S. Sau khi thống nhất, T chạy xe ra địa điểm hẹn và tiếp tục sử dụng số điện thoại 0393864716 gọi cho V để thông báo là mình đã ra điểm hẹn. V trả lời “*V chạy ra bây giờ*”. Khoảng vài phút sau V tới điểm hẹn, do lúc này T chỉ còn lại 400.000đồng nên đã đề nghị V bán 2.000.000đồng tiền giả (04 tờ 500.000đồng tiền giả) với giá 400.000đồng và V đồng ý. Sau khi giao nhận tiền giả xong, T đi làm và V ra về. Với số tiền giả trên T đã sử dụng như sau:

- Tối ngày 20/4/2020, T đã sử dụng 1.000.000đồng tiền giả (gồm 02 tờ 500.000đồng tiền giả) để trả nợ cho ông Huỳnh D, sinh năm 1970 ở thôn Đ, xã B, huyện S là người làm cùng Công ty Bê tông ly tâm Minh Thành Tín với T. Tuy nhiên, ông D cũng không biết đó là tiền giả nên đã lưu hành cho người khác.

- Sử dụng 01 tờ tiền giả 500.000đồng mua 02 card điện thoại tại tiệm tạp hóa “Lành” ở xã B, huyện S.

- 01 tờ tiền giả 500.000đồng còn lại T mua hàng hóa tại 01 tiệm tạp hóa dọc đường thuộc xã B, huyện S nhưng T không nhớ cụ thể là tiệm tạp hóa nào.

Cơ quan điều tra đã tiến hành xác minh, làm việc với những người trên tuy nhiên tiền giả đã lưu hành cho người khác nên không thu giữ được tờ tiền giả nào.

Sau khi mua và lưu hành tiền giả, số tiền T thu lợi được 1.600.000đồng.

Đối với chủ tài khoản Facebook “Song Long Tài Chính” đã 02 lần bán tiền giả cho Lê Tấn V:

Theo Lê Tấn V khai nhận: Toàn bộ số tiền giả trên đều được V mua từ tài khoản Facebook “Song Long Tài Chính”. Quá trình liên hệ mua bán, tài khoản Facebook “Song Long Tài Chính” có gọi video messenger cho Facebook “T” của Lê Tấn V để giới thiệu tiền giả và kiểm tra thực tế. Quá trình liên lạc, người này chỉ giới thiệu cho V sản phẩm là tiền giả nhưng không cho thấy mặt. Tuy nhiên, khi trao đổi thỏa thuận với nhau thì V chỉ nghe giọng nói của người này là giọng của một người phụ nữ và người này nói giọng miền Bắc. Quá trình điều tra, Cơ quan An ninh điều tra - Công an tỉnh Nam Định đã cung cấp thông tin, tài liệu về chủ tài khoản Facebook “Song Long Tài Chính” là của vợ chồng Nguyễn Văn T, sinh năm 1996 và Vũ Thị N, sinh năm 1995 đều ở tại xóm X, xã G, huyện G1, tỉnh Nam Định. T và N đang là bị can trong vụ án “**Làm, tàng trữ, vận chuyển, lưu hành tiền giả**” xảy ra tại xã G, huyện G1, tỉnh Nam Định do Cơ quan An ninh điều tra - Công an tỉnh Nam Định thụ lý điều tra theo thẩm quyền.

Tại Bản Cáo trạng số 230/QĐ – VKS ngày 04/01/2021 của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Quảng Ngãi đã truy tố bị cáo Lê Tấn V về tội “Lưu hành tiền giả” theo quy định tại khoản 2 Điều 207 Bộ luật hình sự và Trương Thanh T về tội “Lưu hành tiền giả” theo quy định tại khoản 1 Điều 207 Bộ luật hình sự.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bình Sơn, tỉnh Quảng Ngãi thực hành quyền công tố theo Quyết định phân công của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Quảng Ngãi giữ nguyên Quyết định truy tố đối với bị cáo Lê Tấn V và Trương Thanh T đều về tội “Lưu hành tiền giả” và đề nghị Hội đồng xét xử:

- Áp dụng khoản 2 Điều 207; điểm s khoản 1, 2 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52 và Điều 38 Bộ luật hình sự xử phạt bị cáo Lê Tấn V từ 60 (sáu mươi) tháng tù đến 72 (bảy mươi hai) tháng tù.

- Áp dụng khoản 1 Điều 207; điểm s khoản 1, 2 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52 và Điều 38 Bộ luật hình sự xử phạt bị cáo Trương Thanh T từ 36 (ba mươi sáu) tháng tù đến 42 (bốn mươi hai) tháng tù.

Về hình phạt bổ sung: Bị cáo V không có nghề nghiệp ổn định. Bị cáo T có công việc không ổn định, thu nhập thấp, hoàn cảnh khó khăn nên đề nghị Hội đồng xét xử không áp dụng hình phạt bổ sung đối với các bị cáo.

Về vật chứng vụ án:

- Đối với 02 tờ tiền Ngân hàng Nhà nước Việt Nam giả mệnh giá 500.000đồng có cùng số seri: TF 17534151 đề nghị Hội đồng xét xử tuyên tịch thu cho tiêu hủy.

- Đối với 01 điện thoại Iphone 6 màu xám số IMEI: 352015071087508 của Lê Tấn V và 01 điện thoại di động hiệu OPPO F7 màu đỏ của Trương Thanh T đề nghị Hội đồng xét xử tuyên tịch thu sung ngân sách Nhà nước.

- Đối với thẻ sim có số thuê bao: 0868058038 của Lê Tấn V và thẻ Sim 0393864716 của Trương Thanh T sử dụng vào việc liên lạc mua tiền giả đề nghị đưa lưu vào trữ trong hồ sơ vụ án. Riêng thẻ sim 0384473452 của Trương Thanh T không sử dụng vào việc phạm tội nên đề nghị tuyên trả lại cho T.

- Đối với 01 USB được niêm phong trong bì có chữ đỏ “*Công an tỉnh Quảng Ngãi, Phòng Cảnh sát hình sự*” và có đóng dấu niêm phong của Viện kiểm sát nhân dân huyện Bình Sơn được giao, nhận kèm theo hồ sơ là chứng cứ chứng minh tội phạm nên đề nghị Hội đồng xét xử đưa vào lưu hồ sơ vụ án.

- Đối với số tiền bị cáo Lê Tấn V phạm tội mà có 7.807.000đồng: bị cáo đã tác động cha mẹ bị cáo là ông Lê Tấn T, Bà Lê Thị H tự nguyện nộp tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Bình Sơn theo biên lai số AA/2010/02898 ngày 18/01/2020 đề nghị Hội đồng xét xử tuyên tịch thu sung ngân sách Nhà nước.

- Đối với số tiền bị cáo Trương Thanh T phạm tội mà có 1.600.000đồng: Bị cáo đã tự nguyện nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Bình Sơn theo biên lai số AA/2010/02900 ngày 25/01/2021 đề nghị Hội đồng xét xử tuyên tịch thu sung ngân sách Nhà nước.

Ý kiến bào chữa của người bào chữa cho bị cáo Lê Tấn V: Bị cáo V không hiểu biết pháp luật, tuổi đời còn trẻ, do không có việc làm ổn định nên nảy sinh ý định phạm tội. Bị cáo đã tác động gia đình tự nguyện sửa chữa, khắc phục hậu quả;

tại phiên tòa và quá trình điều tra đã thành khẩn khai báo; ăn năn hối cải; phạm tội chưa gây thiệt hại hoặc thiệt hại không lớn; phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng; có thành tích xuất sắc trong lao động được Ban chấp hành Đoàn thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh xã B tặng Giấy khen nên đề nghị áp dụng các tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm b, h, i, s, v khoản 1; điểm g khoản 1 Điều 52; khoản 1 Điều 54 và Điều 65 Bộ luật hình sự để xem xét xử dưới khung hình phạt và cho bị cáo được hưởng án treo.

Ý kiến bào chữa, tranh luận của các bị cáo: Bị cáo V thống nhất ý kiến của người bào chữa, không có tranh luận gì thêm. Bị cáo T không bào chữa và tranh luận gì về điều luật áp dụng, tội danh, mức hình phạt, xử lý vật chứng như đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bình Sơn. Bị cáo T yêu cầu Hội đồng xét xử xem xét cho bị cáo hưởng án treo để đoàn tụ gia đình, làm ăn nuôi mẹ, bà ngoại già và trả nợ tiền vay cho Ngân hàng.

Ý kiến của những người tham gia tố tụng khác: Không có.

Lời nói sau cùng của các bị cáo:

Bị cáo V xin Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt để sớm đoàn tụ gia đình.

Bị cáo T xin Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt và cho hưởng án treo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Những chứng cứ, tài liệu do Cơ quan Cảnh sát điều tra, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân, Kiểm sát viên thu thập và người tham gia tố tụng khác cung cấp là phù hợp với quy định của pháp luật tố tụng hình sự.

[1.2] Xét tính hợp pháp của hành vi, quyết định tố tụng: Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan Cảnh sát điều tra, Điều tra viên, Viện kiểm sát, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Các bị cáo và những người tham gia tố tụng khác không có ý kiến, khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[1.3] Tại phiên tòa, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án, người làm chứng vắng mặt nhưng xét thấy những người này đã có lời khai trong hồ sơ vụ án và sự vắng mặt của họ không làm ảnh hưởng đến việc giải quyết vụ án. Hội đồng xét xử áp dụng Điều 292 và Điều 293 Bộ luật tố tụng hình sự vẫn tiến hành xét xử vắng mặt người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án và người làm chứng. Tại phiên tòa, Hội đồng xét xử đã công bố lời khai của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án và người làm chứng vắng mặt tại phiên tòa.

[2] Về nội dung:

[2.1] Tại phiên tòa, bị cáo Lê Tấn V và Trương Thanh T khai nhận như phần tóm tắt nội dung vụ án; lời khai của các bị cáo phù hợp với lời khai của các bị cáo tại giai đoạn điều tra, lời khai của người tham gia tố tụng khác cùng các tài liệu chứng cứ thu thập được trong hồ sơ vụ án nên Hội đồng xét xử có đủ cơ sở kết

luận hành vi của bị cáo Lê Tấn V đủ yếu tố cấu thành tội: “*Lưu hành tiền giả*” được quy định tại khoản 2 Điều 207 Bộ luật hình sự; hành vi của bị cáo Trương Thanh T đủ yếu tố cấu thành tội “*Lưu hành tiền giả*” theo khoản 1 Điều 207 Bộ luật hình sự. Do đó, Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Quảng Ngãi truy tố các bị cáo Lê Tấn V và Trương Thanh T là có căn cứ, đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

[2.2] *Xét tính chất, vai trò, mức độ nghiêm trọng của hành vi phạm tội*: Các bị cáo Lê Tấn V và Trương Thanh T đều là người có đủ năng lực nhận thức, điều khiển hành vi nhưng xem thường pháp luật; hành vi phạm tội do các bị cáo gây ra là nguy hiểm cho xã hội, đã xâm phạm quy định của Nhà nước về quản lý tiền tệ, gây tác hại đến hoạt động lưu thông, trao đổi tiền tệ. Do đó, Hội đồng xét xử cần xử phạt mức án tương xứng với hành vi của các bị cáo nhằm giáo dục riêng và phòng ngừa chung cho xã hội.

[2.3] *Xét các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, nhân thân của các bị cáo*:

Bị cáo Lê Tấn V và Trương Thanh T lưu hành tiền giả cho nhiều người (lưu hành tiền giả cho từ 02 người trở lên) nên Hội đồng xét xử cần áp dụng tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự “*phạm tội từ 02 lần trở lên*” quy định tại điểm g khoản 1 Điều 52 của Bộ luật hình sự để xem xét áp dụng hình phạt đối với 02 bị cáo. Các bị cáo được hưởng các tình tiết giảm nhẹ sau:

Đối với bị cáo Lê Tấn V: Trong quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải (đã tác động gia đình tự nguyện giao nộp toàn bộ số tiền phạm tội mà có); có nhân thân tốt, được Ban chấp hành Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh xã B, huyện S tặng Giấy khen vì đã có nhiều thành tích trong công tác Đoàn và phong trào Thanh thiếu niên năm 2019 nên Hội đồng xét xử cần áp dụng điểm s khoản 1, 2 Điều 51 của Bộ luật hình sự để xem xét áp dụng hình phạt cho bị cáo.

Đối với cáo Trương Thanh T: Trong quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải (đã tự nguyện giao nộp số tiền phạm tội mà có); có nhân thân tốt, là lao động chính trong gia đình nên Hội đồng xét xử cần áp dụng điểm s khoản 1, 2 Điều 51 Bộ luật hình sự để xem xét áp dụng hình phạt cho bị cáo.

[2.4] *Về hình phạt bổ sung*: Bị cáo Lê Tấn V không có nghề nghiệp ổn định, bị cáo Trương Thanh T có nghề nghiệp công nhân nhưng thu nhập thấp hoàn cảnh kinh tế khó khăn, là lao động chính trong gia đình nên Hội đồng xét xử không áp dụng hình phạt bổ sung đối với các bị cáo theo quy định tại khoản 5 Điều 207 Bộ luật hình sự.

[2.5] *Về xử lý vật chứng*:

[2.5.1] Đối với 02 tờ tiền Ngân hàng Nhà nước Việt Nam mệnh giá 500.000đồng có cùng số seri: TF 17534151 Hội đồng xét xử cần tuyên tịch thu cho tiêu hủy.

[2.5.2] Đối với 01 điện thoại Iphone 6 màu xám, số IMEI: 352015071087508 của Lê Tấn V và 01 điện thoại di động hiệu OPPO F7 màu đỏ của Trương Thanh T sử dụng vào việc phạm tội nên Hội đồng xét xử cần tuyên tịch thu sung ngân sách Nhà nước.

[2.5.3] Đối với thẻ sim có số thuê bao: 0868058038 của Lê Tấn V và thẻ Sim 0393864716 của Trương Thanh T sử dụng vào việc liên hệ mua tiền giả Hội đồng xét xử cần tịch thu và đưa vào lưu trữ trong hồ sơ vụ án. Riêng thẻ sim số thuê bao 0384473452 của Trương Thanh T không sử dụng vào việc phạm tội nên tuyên trả lại cho T.

[2.5.4] Đối với 01 USB được niêm phong trong bì có chữ đỏ “*Công an tỉnh Quảng Ngãi, Phòng Cảnh sát hình sự*” và có đóng dấu niêm phong của Viện kiểm sát nhân dân huyện Bình Sơn được giao, nhận kèm theo hồ sơ vụ án là chứng cứ chứng minh tội phạm nên Hội đồng xét xử cần đưa vào lưu trữ theo hồ sơ vụ án.

[2.5.5] Về số tiền do các bị cáo phạm tội mà có: Bị cáo Lê Tấn V phạm tội mà có số tiền 7.807.000đồng, bị cáo Trương Thanh T phạm tội mà có số tiền 1.600.000đồng. Bị cáo V đã tác động gia đình tự nguyện giao nộp và bị cáo T tự nguyện giao nộp tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Bình Sơn tại các biên lai thu tiền số AA/2010/02898 ngày 18/01/2021 và biên lai thu tiền số AA/2010/02900 ngày 25/01/2021 Hội đồng xét xử cần tuyên tịch thu sung ngân sách Nhà nước.

[2.6] Về những vấn đề khác trong vụ án:

[2.6.1] Vào ngày 15/4/2020 bưu tá của Bưu điện huyện S là Anh Lê Hoài S có nhận 1 tờ bạc 500.000đồng tiền giả, số seri: TF 17534151 từ một khách hàng anh không xác định được người đưa tiền cho anh là ai vì ngày 15/4/2020 anh giao hàng và nhận tiền từ nhiều người, số tiền này anh đã bàn giao lại cho Bưu điện huyện S, đại diện Bưu điện huyện S đã giao lại cho cơ quan điều tra và không có yêu cầu gì nên Hội đồng xét xử không đặt ra giải quyết.

[2.6.2] Đối với vợ chồng Nguyễn Văn T, sinh năm 1996 và Vũ Thị N, sinh năm 1995 đều ở tại xóm X, xã G, huyện G1, tỉnh Nam Định. T và N đang là bị can trong vụ án “**Làm, tàng trữ, vận chuyển, lưu hành tiền giả**” xảy ra tại xã G, huyện G1, tỉnh Nam Định do Cơ quan An ninh điều tra - Công an tỉnh Nam Định thụ lý điều tra theo thẩm quyền nên Hội đồng xét xử không đặt ra giải quyết.

[2.6.2] Đối với những người nhận tiền giả của bị cáo V và T: Những người này không biết số tiền giả do các bị cáo mua hàng hóa, thức ăn hoặc đổi tiền lẻ là tiền giả, Cơ quan An ninh điều tra đã xác minh, điều tra nhưng những người này không biết nên đã dùng tiền giả mua hàng hóa và không còn tàng trữ nên Hội đồng xét xử không đặt ra xử lý.

[2.6.3] Tại phiên tòa, vợ chồng ông Lê Tấn T, Bà Lê Thị H không yêu cầu bị cáo Lê Tấn V trả lại tiền ông, bà đã tự nguyện nộp thay cho bị cáo đối với số tiền bị cáo phạm tội mà có 7.807.000đồng nên Hội đồng xét xử không đặt ra giải quyết.

[3] **Xét ý kiến bào chữa của người bào chữa cho bị cáo V:** Chấp nhận đề nghị của người bào chữa về áp dụng tình tiết giảm nhẹ “thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải” theo điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự; không chấp nhận cho bị cáo được hưởng các tình tiết giảm nhẹ theo điểm b, h, i, v khoản 1 Điều 51 của Bộ luật hình sự. Vì:

Khoản tiền cha, mẹ bị cáo tự nguyện nộp sung ngân sách nhà nước thay cho bị cáo không thuộc trường hợp áp dụng được tình tiết giảm nhẹ theo điểm b khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự, việc bị cáo tác động gia đình giao nộp số tiền thu lợi bất chính chỉ được xem là tình tiết “ăn năn hối cải” như nhận định trên; tình tiết giảm

nhẹ “phạm tội chưa gây thiệt hại hoặc thiệt hại không lớn” không phù hợp với hậu quả do bị cáo gây ra, vì trong tổng số tiền giả bị cáo lưu hành thì có 22 tờ tiền giả mệnh giá 500.000đồng không thu hồi được, đã lưu hành trên thị trường tiền tệ, thiệt hại cho Nhà nước trong việc thu hồi, tiêu hủy khoản tiền giả này không thể tính toán hết được; tình tiết giảm nhẹ “phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng” không phù hợp quy định tại điểm a khoản 1 Điều 9 Bộ luật hình sự; về Giấy khen của Ban chấp hành Đoàn thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh xã B tặng cho bị cáo không thuộc trường hợp có thành tích xuất sắc trong lao động, chiến đấu, học tập hoặc công tác theo quy định tại Điều 40 của Nghị định số 91/2017/NĐ-CP ngày 31/7/2017 của Chính Phủ quy định chi tiết một số điều của Luật thi đua, khen thưởng. Bị cáo không đủ điều kiện để áp dụng khoản 1 Điều 54 và Điều 65 của Bộ luật hình sự nên không chấp nhận ý kiến của người bào chữa về việc áp dụng hình phạt dưới mức thấp nhất của khung hình phạt áp dụng để cho bị cáo được hưởng án treo.

[4] Xét ý kiến tranh luận: Các bị cáo không có tranh luận gì nên không xét.

[5] Xét ý kiến đề nghị của đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Bình Sơn: Về đề nghị áp dụng pháp luật; tội danh; mức hình phạt; hình phạt bổ sung; nhân thân, tình tiết giảm nhẹ, tình tiết tăng nặng đối với bị cáo V và T, về xử lý vật chứng là phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận toàn bộ.

[6] Xét lời nói sau cùng của các bị cáo: Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ một phần hình phạt cho các bị cáo V, T tương ứng với các tình tiết giảm nhẹ của các bị cáo; Không chấp nhận cho bị cáo T hưởng án treo, vì không đảm bảo điều kiện được hưởng án treo theo Điều 65 của Bộ luật hình sự.

[7] Về án phí: Mỗi bị cáo phải nộp án phí hình sự sơ thẩm 200.000 đồng theo quy định của pháp luật.

[8] Về quyền kháng cáo: Các bị cáo; người có quyền, nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ khoản 2 Điều 207; điểm s khoản 1, 2 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52 và Điều 38 Bộ luật hình sự.

Tuyên bố bị cáo **Lê Tấn V** phạm tội: **“Lưu hành tiền giả”**.

Xử phạt: Lê Tấn V **05 (Năm) năm tù**, thời gian chấp hành hình phạt tù được tính từ ngày bắt bị cáo tạm giam ngày 17/7/2020.

2. Căn cứ khoản 1 Điều 207; điểm s khoản 1, 2 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52; Điều 38 và Điều 329 Bộ luật hình sự.

Tuyên bố bị cáo **Trương Thanh T** phạm tội: **“Lưu hành tiền giả”**.

Xử phạt: Trương Thanh T **03 (Ba) năm tù**, thời gian chấp hành hình phạt tù được tính từ ngày tuyên án (ngày 26/01/2021).

Tuyên bắt tạm giam bị cáo Trương Thanh T ngay tại phiên tòa để đảm bảo thi hành án.

3. Về hình phạt bổ sung: Không áp dụng đối với Lê Tấn V và Trương Thanh T.

4. Về xử lý vật chứng: Căn cứ Điều 47, 48 Bộ luật hình sự và Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự:

- Tuyên tịch thu cho tiêu hủy 02 tờ tiền giả mệnh giá 500.000đồng có cùng số seri: TF 17534151.

- Tuyên tịch thu sung ngân sách Nhà nước 01 điện thoại Iphone 6 màu xám, số IMEI: 352015071087508 của Lê Tấn V và 01 điện thoại di động hiệu OPPO F7 màu đỏ của Trương Thanh T.

- Đối với thẻ sim có số thuê bao: 0868058038 của Lê Tấn V và thẻ Sim 0393864716 của Trương Thanh T, Chi cục Thi hành án dân sự huyện Bình Sơn có trách nhiệm giao lại cho Tòa án nhân dân huyện Bình Sơn để lưu trữ trong hồ sơ vụ án.

- Tuyên trả lại thẻ sim số thuê bao 0384473452 cho Trương Thanh T.

Tất cả vật chứng trên đều có đặc điểm như biên bản giao nhận vật chứng ngày 19/01/2021 giữa Công an tỉnh Quảng Ngãi và Chi cục Thi hành dân sự huyện Bình Sơn.

- Tuyên sung ngân sách Nhà nước số tiền 7.807.000đồng do ông Lê Văn T nộp thay cho Lê Tấn V theo biên lai thu tiền số AA/2010/02898 ngày 18/01/2021 và số tiền 1.600.000đồng do Trương Thanh T nộp theo biên lai thu tiền số AA/2010/02900 ngày 25/01/2021 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Bình Sơn.

- Tuyên đưa vào lưu trữ cùng với hồ sơ vụ án 01 USB được niêm phong trong bì có chữ đỏ “*Công an tỉnh Quảng Ngãi, Phòng Cảnh sát hình sự*” và có đóng dấu niêm phong của Viện kiểm sát nhân dân huyện Bình Sơn được giao, nhận kèm theo hồ sơ vụ án.

5. Về án phí: Căn cứ Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự 2015 và Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Lê Tấn V và Trương Thanh T mỗi bị cáo phải nộp án phí hình sự sơ thẩm 200.000đồng (*Hai trăm nghìn đồng*).

6. Về quyền kháng cáo: Căn cứ Điều 331, Điều 333 Bộ luật tố tụng hình sự.

Bị cáo có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án hình sự sơ thẩm trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án (ngày 26/01/2021).

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án hình sự sơ thẩm đối với phần liên quan đến quyền, nghĩa vụ của mình trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án (ngày 26/01/2021).

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án hình sự sơ thẩm đối với phần liên quan đến quyền, nghĩa vụ của mình trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết bản án nơi cư trú.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Quảng Ngãi;

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

- VKSND tỉnh Quảng Ngãi;
- Sở Tư pháp tỉnh Quảng Ngãi;
- Công an; VKSND; CC.THADS huyện Bình Sơn;
- UBND xã Bình Thạnh (Thay cho Thông báo);
- Các bị cáo;
- Những người tham gia tố tụng khác;
- Lưu hồ sơ; án văn.

THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(Đã ký)

Lê Quang Toại

